

TÔNG CẢNH LỤC

QUYÊN 29

Hỏi: Phàm, đã là pháp môn khắp cùng tất cả xứ, không có gián đoạn, thường luôn tuyên thuyết. Cớ sao lại theo hội kết tập, nơi nói chẳng đồng? Như văn của Hoa Nghiêm có chín hội, thuyết của Pháp Hoa có ba châu ư?

Đáp: rộng lược chẳng ngang bằng, đều vì đối có, lấy một hiển bày nhiều, khiến vào vô tận. Như Hoa Nghiêm Chỉ Quy nói: “Gọi là trong một sát-na thì khắp cùng xứ vô tận, chóng nói biến pháp vô biên như vậy.

Hỏi: Căn cứ theo nói vậy, thì thời hội giảng nói Hoa Nghiêm đều chẳng rõ, sao dung có một bộ kinh giáo ấy?

Đáp: Vì chúng sinh thấp kém, đối với trong thuyết vô tận lược lấy kết tập như vậy mà lưu thông nên có bộ kinh vậy, dẫn vào kinh luận không ngăn mé, khiến thấy nghe đó, dùng phương như nhìn qua khe hở thấy hư không không ngăn mé. Phải biết đạo lý trong đây cũng vậy, trông một bộ ấy thấy biến pháp vô biên, nên biết nên nhóm cương yếu, trong một mảy may trần còn bao hàm cả pháp giới, trong một chữ tức diễn vô biên. Huống gì thuyết của chín hội ba châu ư? Hiểu được như vậy, thì một thời là tất cả thời, một thuyết là tất cả thuyết.

Lại hỏi: Nếu vậy, là nhiều kiếp thường luôn giảng nói, cớ sao Như Lai có nhập Niết-bàn ư?

Đáp: Nói kinh Phật đây vốn chẳng Niết-bàn, trong phẩm pháp giới, mở tháp chiên-đàn thấy chư Phật ba đời không nhập Niết-bàn, lại do gồm trong hóa nghi thì Niết-bàn cũng là nơi pháp thâm tóm chúng sinh, cùng với thành đạo giảng nói pháp không sai biệt vậy. Lại nữa, Phật Xá-na thường trụ hoa tạng luôn luôn giảng pháp, vốn không Niết-bàn là thường trụ vậy. Nên biết xuất hiện nơi đời hay nhập Niết-bàn đều là chúng sinh tự thấy, chứ chư Phật vốn không xuất hiện nơi đời cũng chẳng nhập Niết-bàn, vào trong Tông kính, tự nhiên hai thấy đó đều tuyệt.

Hỏi: Phật chỉ tâm nói, cớ sao giáo lập ngũ thời, người phân bốn chúng?

Đáp: Chư Phật không có công đức sắc thanh, chỉ có như như và trí như như riêng tồn tại. Phàm có thấy nghe đều là ảnh tượng của tự tâm chúng sinh, thì nói chỉ tâm nói nghe chỉ tâm nghe, lia ngoài tâm, xứ nào có pháp? Như trong kinh Tư Ích nói: “Phạm thiên nói: “Cớ sao nói người chẳng nghe pháp mới là nghe kinh?” Văn Thù đáp: “Mắt tai mũi lưỡi thân ý chẳng rò rỉ là nghe pháp. Tại sao như vậy? Với sáu nhập ở trong chẳng rõ rĩ với sắc thanh hương vị xúc pháp, mới là nghe kinh”. Cho đến, Phạm Thiên hỏi Bồ-tát Đắc Nhân rằng: “Các vị há chẳng nghe kinh đó ư?”. Đáp: “Chúng tôi nghe là dùng chẳng nghe làm nghe”. Các bậc Cổ đức nói: Đức Như Lai diễn nói hồng âm tám biện, người nghe gá khởi tự tâm hiện nên, như y cứ tướng mạo mà biến khởi hào đoan. Bản chất đã không ảnh tượng như hiện tại, các hiền kiết tập tự tùy thấy nghe, y cứ điều thấy nghe kết tập tự nói. Do vì, lia tự tâm vốn không có cảnh bên ngoài. Lia cảnh cũng không tâm bên trong có thể được, những người truyền khắp chẳng phải trao cho kẻ khác, tự hiểu chẳng từ kẻ khác đến, kẻ khác hiểu sao chẳng phải tự khởi? Cho nên kết tập và truyền trao đều được ảnh tượng chẳng được bản chất, không có tự tâm, được cảnh khác vậy. Vậy nên biết kết tập là kinh của tự tâm biến nên. Được ảnh chẳng phải chất tư duy đó mà có thể biết. Nếu năng thường khéo phân biệt sở hiện của tự tâm, năng biết tất cả tánh bên ngoài chẳng phải tánh. Thấy biết của người đó có thể cùng Phật đồng, pháp được giảng nói cùng Phật không khác. Ngõ vào tự hiểu thánh trí vui vậy. Trong luận Thật tánh có kệ tụng rằng: “Tiếng trống trời diệu pháp, nương tự nghiệp mà có, chư Phật giảng nói pháp, tự nghiệp chúng sinh nghe, như tiếng diệu xa lia, công dụng ở thân tâm, khiến tất cả chúng sinh, lia sợ được vắng lặng. Tiếng Phật cũng như vậy, lia công dụng thân tâm, khiến tất cả chúng sinh, được chứng đạo vắng lặng”. Lại có kệ tụng khác nói: “Thí như trong hư không, mưa nước tám công đức, đến các nơi mặn v.v... sinh các thứ vị khác, Như Lai mây từ bi, mưa nước tám thánh đạo, đến nơi tâm chúng sinh, sinh ra các thứ vị hiểu”. Giải thích: Như tiếng trống trời ứng lượng khả năng biết của các trời, giống như vua rồng mưa tùy theo duyên thế gian năng cảm, chứng tự pháp mà chẳng đồng, thành mùi vị khác mà có riêng biệt, pháp cũng như vậy, tùy thấy sai biệt. Ở nhất thừa mà mở ra các thừa, từ một pháp mà phân thành nhiều pháp. Trong Hoa Nghiêm Tham Huyền Ký nói: “Môn duyên khởi duy tâm là tất cả giáo pháp sai biệt trên đây thủy đều

là do tâm hiển hiện, cho đến đều lấy duy thức làm thể. Nhưng có hai nghĩa: Một là bản ảnh tương đối. Hai là nói nghe toàn thấu. Trong một là „thông biện rành các giáo, gồm có bốn câu: một là chỉ bản chất không ảnh tượng, như tiểu thừa giáo vì không nghĩa của duy thức vậy. Các Luận sư Đạt-ma-đa-la v.v... phần nhiều lập nghĩa đó. Hai là, cũng bản chất cũng ảnh tượng, như Đại thừa thủy giáo, ngoài tâm chúng sinh, Phật có các pháp sắc thanh vi diệu. Do duyên lực lớn mạnh căn lành của người nghe, kích động hạt giống lợi tha của Phật làm nhân, ở trên trí Phật, văn nghĩa cùng sinh, làm bản tánh cùng giáo, do duyên lực lớn mạnh giáo đây của Phật kích động người nghe pháp có lưu xuất hạt giống căn lành, văn nghĩa cùng sinh trên thức của người nghe làm ảnh tượng cùng giáo. Trong luận Duy Thức Tam Thập Tụng nói: “Sức triển chuyển lớn mạnh, hai thức thành quyết định, các Luận sư hộ pháp v.v... đều lập nghĩa đó. Ba là, chỉ ảnh tượng không bản chất, như Đại thừa chung giáo, lìa tâm chúng sinh, Phật quả không có sắc thân âm thanh sự tướng công đức, chỉ có như như và trí như như. Đại bi đại nguyện làm duyên lớn mạnh, trong tâm chúng sinh căn cơ thuần thực thọ nhận giáo hóa hiển bày sắc thanh Phật giảng nói pháp. Cho nên thánh giáo chỉ là ảnh tượng trong tâm chúng sinh nên trong kinh có kệ tụng rằng: “Tất cả các Như Lai, không có nói pháp Phật, tùy căn cơ đáng hóa, mà vì diễn nói pháp”. Lại có kệ tụng khác nói: “Pháp thân Như Lai chẳng nghĩ bàn, không sắc không tướng không sánh bằng, hiện bày sắc tướng vì chúng sinh, mười phương thọ hóa thấy đều thấy”. Như vậy chẳng phải một, các Luận sư Long Quân, Kiên Tuệ v.v... đều lập nghĩa đó. Bốn là, chẳng phải bản chất, chẳng phải ảnh tượng, như trong đốn giáo. Chẳng phải ngay ngoài tâm không có Phật sắc v.v... mà Phật hiển hiện của trong tâm chúng sinh cũng đáng là tướng không, vì chỉ là thức không ảnh tượng khác biệt, tánh của sắc v.v... lìa không chỗ có, tất cả không lời, không lời cũng không cho nên Thánh giáo tức là giáo của không giáo như trong kinh có kệ tụng rằng: “Như Lai chẳng ra đời, cũng không có Niết-bàn”. Lại nữa, trong kinh Mật Nghiêm nói rõ Phật thường trú pháp giới không ra đời v.v... tông của Long Thọ v.v... phần nhiều lập nghĩa đó. Đó có bốn thuyết mà gồm làm một giáo, viên dung vô ngại, đều chẳng cùng ngăn ngăn. Vì mỗi mỗi thánh giáo từ cạn đến sâu đều gồm chúng sinh vậy. Tư duy đó có thể thấy! Trong hai nói nghe toàn thấu là cũng gồm có bốn câu: Một là, lìa ngoài tâm Phật, không có chúng sinh sở hóa, hưởng gì là giáo sở thuyết cho nên chỉ là hiển hiện của tâm Phật, nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là các chúng sinh không có tự

thể riêng biệt, quây Như Lai tạng để thành chúng sinh, nhưng Như Lai tạng đó tức là thí chứng làm tự thể. Cho nên khắp thể chúng sinh đều tại trong tâm trí Phật. Trong kinh có kệ tụng rằng: “Chư Phật đều rõ biết, tất cả từ tâm chuyển”. Lại nói: “Như Lai trong thân Bồ-đề, đều thấy tất cả chúng sinh phát tâm phát tâm Bồ-đề, thành Đẳng chánh giác, cho đến thấy tất cả chúng sinh đều đã tịch diệt, cũng lại như vậy thấy đều một tánh, vì vô tánh vậy”. Lại có kệ tụng rằng: “Ba đời tất cả kiếp, cõi Phật và các pháp, các căn tâm tâm pháp, tất cả pháp hư vọng ở trong thân một Phật, pháp đây đều hiển hiện”, cho nên lìa tâm trí Phật không một pháp có thể được. Hai là, tất cả đều tại trong tâm chúng sinh. Vì lìa chúng sinh, không có Phật đức riêng biệt, nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là Phật chứng nhân như thành Phật ngay trong tâm chúng sinh, cũng như thủy giác đồng với bản giác vậy. Cho nên tất cả đều tại trong tâm chúng sinh, từ thể khởi dụng, lúc thân ứng hóa, tức là dụng đại của châu như trong tâm chúng sinh, không Phật nào riêng khác. Ba là, tùy một thánh giáo toàn chỉ hai tâm, vì hai thuyết trước chẳng lìa nhau vậy, nghĩa là Phật trong tâm chúng sinh vì chúng sinh trong tâm Phật mà giảng pháp. Như vậy, toàn thân nói nghe vô ngại, đó gọi là đạo lý duy thức sâu mâu vậy. Bốn là, hoặc thánh giáo ấy đều chẳng phải hai tâm. Vì cả hai đều là hình đoạt chẳng đều hiển hiện vậy, song dung hai vị không gì chẳng hết, nghĩa là chúng sinh trong tâm Phật không nghe ấy vậy. Phật trong tâm chúng sinh không nói ấy vậy, cả hai đều rành rẽ, cả hai cùng hết vậy. Trong kinh nói: “Phàm nói pháp là không nói không chỉ bày, nghe pháp đó là không nghe không đắc”. Lại trong kinh có kệ tụng: “Nơi chúng sinh sinh chẳng phải sinh, cũng không lưu chuyển trong sinh tử”. Lại có kệ tụng khác nói: “Như Lai không nói pháp, cũng không độ chúng sinh”, cho nên với bốn câu đây trong một thánh giáo tròn chứa vô ngại, mới là rốt ráo.

Trong, Hoa Nghiêm diễn nghĩa có câu hỏi rằng: “Chúng sinh và Phật ước về thể tuy đồng, nhưng tướng và dụng riêng khác, há được toàn ư?”

Giải thích: Từ thể khởi dụng, dụng chẳng khác thể, thể tức là thể của chúng sinh. Dụng đâu lìa chúng sinh, nên y cứ thể mà khởi dụng, tức là dụng đại của chân như trong tâm chúng sinh, không có Phật nào riêng khác. Nếu vậy, trong luận Khởi Tín đã có nghĩa đó. Cớ sao riêng nói Hoa Nghiêm là Biệt giáo ư? Giải thích: Luận Khởi Tín tuy nói: Thủy giác bản giác không hai, thể tướng dụng ba đại gồm đồng, mà là tự tâm mỗi mỗi tu chứng, chẳng nói chúng sinh và Phật cả hai chỗ tương

gồm thâu, đó là dụng trong văn luận Khởi Tín, thành nghĩa của Hoa Nghiêm. Lại nữa, nói và nghe toàn thâu, chúng sinh và Phật cùng tồn tại là lược nêu hai thí dụ: một là như một gương sáng, thầy trò cùng đối nhau nói và nghe, vì thầy thủ lấy đó tức là gương thầy, trò thủ lấy đó tức là gương trò. Gương dụ như nhất tâm, thầy và trò dụ như chúng sinh và Phật, đó nghĩa là Hòa thượng trong gương đệ tử vì đệ tử trong gương Hòa thượng mà nói pháp. Đệ tử trong gương Hòa thượng nghe Hòa thượng trong gương đệ tử nói pháp. Những người có hay biết xin rõ thí dụ đó! Thí dụ đó còn sợ chưa rõ hiểu. Lại như nước và sữa hòa đồng một nơi mà qua lại làm năng hóa sở hóa. Tạm thuận theo nghe vào nói, lấy năng hòa làm nói, sở hòa làm nghe, tạm lấy nước dụ như Phật, sữa dụ như chúng sinh, nên nói nước của trong sữa hòa với sữa của trong nước, sữa của trong nước nhận nước của trong sữa. Tuy đồng một vị, năng sở rõ ràng, tuy năng sở uyển nhiên mà hổ tương cùng tồn tại cùng khắp cùng và cùng gom nhiếp. Tư duy để chuẩn cứ đó. Lại nữa, Phật trong tâm chúng sinh, đó tức là nói chúng sinh xứng tánh khắp cùng, mà Phật chẳng hoại tướng ở trong tâm chúng sinh. Nói vì chúng sinh trong tâm Phật mà nói pháp, đó là nói Phật tâm xứng tánh khắp cùng, mà chúng sinh chẳng hoại tướng ở trong tâm Phật vậy. Không có lý nào riêng khác, chỉ có khác của nói và nghe vậy. Vậy biết, tất cả ngữ ngôn của chúng sinh đều là chánh thể của pháp luân, nếu lia lời nói của chúng sinh tức Phật không sở thuyết. Các bậc Tiên đức nói: “Nếu lia phương ngôn thì thật không nói, thánh nhân không tâm, lấy tâm muôn vật làm tâm, thánh nhân không thân cũng lấy thân muôn vật làm thân, tức biết thánh nhân không lời cũng lấy lời của muôn vật làm lời vậy”. Luận Hoa Nghiêm nói: “Tất cả cảnh giới thánh phàm, quả báo trang nghiêm, dùng làm thể giáo, đó là thấy cảnh phát tâm, chẳng đợi nói vậy. Thấy ác, chán ghét đó, thấy thiện vui thích đó, tất cả hay khởi thiện vậy. Lại nữa, tất cả pháp không gì chẳng là Phật sự. Lại vì tự tánh tất cả pháp thanh tịnh dùng làm thể giáo, vì sức quán sát tâm khế hợp tự tương ứng nên chẳng đợi nói vậy. Lại vì bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi lấy làm thể giáo, người thấy cung kính phát tâm, chẳng đợi nói vậy”. Trong Triệu Luận nói: “Vi, chẳng gì lớn bằng nên trở lại nhỏ thành. Thi, chẳng gì rộng bằng nên trở về vô sinh. Thế nào là nhỏ thành? Là pháp môn thông cả trăm ngàn hằng sa, là tâm địa ở đầu sợi lông. Thế nào là vô danh? Hình giáo khắp ở ba ngàn, có thể được của không danh tướng, nên phải tông và thuyết cả hai đều thông, mới thành bậc thầy khéo giỏi”. Do đó, trong kinh có kệ tụng: “Tông thông tự tu hành, thuyết

thông bày chưa ngộ”. Đại sư Chân Giác nói: “Tông cũng thông, thuyết cũng thông, định, tuệ tròn sáng chẳng trệ không”. Tông thông là định thuyết thông là tuệ, thì tông và thuyết đều bày. Định và tuệ đều rõ, hai nghĩa cùng thành, khuyết một không thể được, như trong kinh Pháp Hoa nói: “Định tuệ lực trang nghiêm lấy đó độ chúng sinh”. Lại, người xưa có kệ tụng rằng: “Thuyết thông tông chẳng thông, như mặt nhật mây che, tông thông thuyết cũng thông, như mặt nhật giữa không”. Nên biết, nếu trước rõ tông thì nói không lỗi lầm, nên trong phẩm tựa kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói: “Lại thấy các Bồ-tát, biết tướng pháp vắng lặng, mới tự ở nước mình, nói pháp cầu Phật đạo”. Lại, phàm có thuyết bày hình ở ngôn giáo đều là minh tâm, chẳng thuyết giảng các pháp khác, hoặc nói rộng lớn tự tại. Đó là ước về đức tướng để rõ tâm, hoặc nói tịch diệt vô vi, đó là nói về lìa lỗi lầm để rõ tâm, cho đến hoặc nói về sự là sự của tâm, hoặc nói về lý là lý của tâm, nên nói ngàn kinh muôn luận đều là nói tâm. Đâu chỉ tông kính ư? Như trong kinh Pháp Hoa nói: “Vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện nơi đời”. Phàm nói đại tức không gì vượt hơn tâm. Trong ngũ đại, hư không là tối đại, mà còn bị tâm bao hàm. Nên trong kinh Thủ- lăng nghiêm nói: “Không sinh trong đại giác, như biển nổi bọt bóng”. Lại nói: “Tịch chiếu trùm hư không”. Đại đó chẳng phải đối với số lượng mà xưng đại. Lại chẳng phải hình đối đãi mà xưng đại, nên nói là một đại sự. Lại, một đó chẳng phải một, như trong kinh Pháp Cú có bài tụng: “Sum la và muôn tượng, một pháp in nên vậy, một cũng chẳng là một, vì muốn phá các số”. Nên biết chư Phật xuất hiện nơi đời, Tổ sư từ Tây Vực lại, đều vì làm rõ yếu chỉ đó, chẳng phải vì việc gì riêng khác. Trong Khởi Tín Sao nói: “Nhất tâm bao gồm muôn hữu, muôn hữu chẳng vượt ngoài nhất tâm”. Đó chỉ là ý tại thể ra, chẳng tại gồm thâu đến muôn pháp, sợ còn thấy của ngoài vật, nên bao gồm đó, nhưng trong các giáo đều nói muôn pháp nhất tâm mà cạn sâu có khác. Nay ước từ ngũ giáo, sơ lược mà biện giải đó: Một là, pháp của người ngu, giáo của Thanh văn, giả nói nhất tâm, nghĩa là các pháp thế gian và xuất thế gian nhiễm tịnh, đều do tâm tạo nghiệp mà cảm nên. Nếu suy bày thì nghĩa của nhất tâm chẳng thành, vì lập tiền cảnh nên nói là giả thuyết. Hai là, Quyền giáo của Đại thừa, nói rõ dị thực A-lại-da lấy làm nhất, ba cõi muôn pháp chỉ là thức biến vậy. Ba là, chung giáo, nói Như Lai tạng lấy làm nhất tâm. Thức, cảnh và các pháp đều là như mong vậy. Bốn là, Đốn giáo, hết sạch nhiễm tịnh, lấy làm nhất tâm, vì phá các số giả danh vậy. Năm là Viên giáo, bao gồm muôn hữu lấy làm nhất tâm, sự lý gốc ngọn không riêng khác vậy. Như

nói ở trên thì trước cạn sau sâu, cạn chẳng đến sâu, sâu hẳn bao gồm cạn. Do đó, Tông kính tuy dẫn đủ thể nhất tâm trong năm giáo để chứng minh nhưng chỉ quy về nhất tâm của Viên giáo, gồm nhiếp các trước vậy. Như trong Sao nói: “Nhất tâm là căn bản của pháp Như Lai giảng nói, bởi duyên Như Lai y cứ nhất tâm đó mà thành tựu vậy”. Vậy thì, tin hiểu hành chứng đều y cứ tâm đó từ nêu bày đến hiển rõ, chưa từng lia đó. Nếu lia tâm mà được thành Phật, điều ấy hẳn không có, lia đó mà có thuyết đều là giáo của ngoại đạo. Do đó, trong luận Khởi Tín nói: “Điều gọi là pháp, đó là tâm của chúng sinh, tâm đó là gồm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, y cứ tâm đó mà hiển bày nghĩa Ma-ha diễn”. Trong Số Thích nói: “Công năng biện giải pháp, vì thể tướng tâm đó vô ngại, nhiệm tịnh đồng y tựa, thuận dòng hay nghịch dòng, thì chuyển tâm đó. Cho nên vâng thuận theo nhiệm thành ở bất giác, thì gồm về pháp thế gian. Nếu bản giác chẳng biến đổi, và thủy giác trở ngược dòng, thì gồm về pháp xuất thế gian. Đó là còn căn cứ trong môn sinh diệt mà biện giải. Nếu căn cứ ở môn chân như thì dung thông gồm cả, nhiệm tịnh chẳng riêng khác. Như nêu chỉ trên là tận lý chẳng sai nhảm, nhưng tất cả pháp nhiệm tịnh, pháp không tự lập, chỉ do tâm chuyển. Vậy biết nhân tâm mà thành pháp, pháp há chẳng phải tâm. Sở y đã toàn là tâm, năng y sao được có khác, vì năng y từ sở y mà khởi vậy, như sóng từ nước mà nổi, vật dụng từ vàng mà thành, gốc ngọn đều đồng, thể dụng không ngăn mé. Trong Pháp Uyển Nghĩa Lâm nói: “Rõ khắp sở thuyết của các giáo, tất cả chỉ duy thức, chẳng vượt ngoài năm thứ: Một là, duy thức cảnh, như trong A-tỳ-đạt-ma kinh có bài tụng rằng: “Quý, bàng sinh, người, trời, mỗi tùy thích ứng đó, mọi sự tâm khác vậy, nghĩa nào chẳng chân thật”. Những lời văn như vậy, chỉ nói cảnh sở quán của Duy thức đều là Duy thức cảnh. Hai là, Duy thức giáo. Các bài tụng nói do tự tâm chấp trước v.v... đều là Duy thức giáo. Ba là, Duy thức lý, trong luận Tam Thập Tụng nói: “Các thức ấy chuyển biến, phân biệt sở phân biệt, do đây kia đều không, nên tất cả duy thức”. Như vậy, thành lập đạo lý duy thức, đều là Duy thức lý. Bốn là, Duy thức hạnh, các bài tụng “Bồ-tát ở định vị v.v... bốn thứ tâm tư như thật v.v... đều là duy thức hạnh. Năm là, Duy thức quả: như trong kinh Phật Địa nói: “Đại viên cảnh trí, các xứ cảnh thức đều hiện trong đó”. Trong kinh Như Lai Công Đức Trang Nghiêm có bài tụng rằng: “Như Lai thức vô cấu, là tịnh cõi vô lậu, giải thoát tất cả chướng. Trí gương tròn tương ứng”. Các thuyết như vậy, chỉ thức đắc quả, đều là Duy thức quả. Trong đây nói về cảnh giáo lý hạnh quả v.v... năm thứ duy thức, đều gồm tất

cả duy thức đều hết, nhưng trong các giáo y cứ nghĩa, tùy căn cơ, nên ở duy thức cảnh do các thứ dị thuyết, hoặc y cứ sở chấp để biện giải về duy thức, như trong kinh Lăng nghiêm có bài tụng: “Do tự tâm chấp trước, tâm tợ cảnh ngoài hiện, vì cảnh chẳng phải có, cho nên nói duy tâm”, là chỉ y cứ chấp tâm hư vọng hiện vậy. Hoặc y cứ hữu lậu để nói rõ duy thức, như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Ba cõi duy tâm”, là căn cứ thế gian mà nói duy thức vậy. hoặc y cứ sở chấp và tùy hữu vi, để biện giải duy thức, như luận Tam Thập Dụng nói: “Do giả nói ngũ pháp, có các thứ tướng chuyển kia nương thức biến thành”, là nương tự thể của thức mà khởi, hoặc y cứ hữu tình để biện giải duy thức. Trong kinh Vô Cấu Xưng nói: “Tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh, tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm”, hoặc y cứ tất cả các pháp có không để biện giải duy thức, như trong kinh Giải Thâm Mật nói: “Các duyên của thức, do thức hiện thành”, hoặc tùy chỉ sự để biện giải duy thức, như trong luận A-tỳ-đạt-ma nêu dẫn trong kinh có kệ tụng rằng: “Quỷ bàng sinh trời người, mỗi tùy thích ứng đó”, hoặc tùy chỉ một sự để biện giải duy thức, các thuyết như vậy v.v... vô lượng pháp môn, loại gồm các giáo nghĩa lý hết cả chỉ là giáo thứ năm, gần nói tất cả là duy thức vậy, cho đến biện danh lia hợp, nhóm hội giải thích là: Lìa tức là biệt, hợp là đồng. Trong các kinh luận mỗi mỗi viên nói tên các quán v.v... nay hợp lại mà giải thích thì chỉ là nghĩa sai biệt của duy thức, chẳng phải thể riêng khác vậy. Một tên có ba mươi hai loại, như trong các kinh Hoa Nghiêm v.v... nói về ngăn cảnh duy thức, thì tên gọi là duy tâm. Trong luận Biện trung biên, nói về ngăn lối chấp biên, thì tên gọi là trung đạo. Trong kinh Bát Nhã nói về tánh giản trạch thì tên gọi là Bát Nhã. Trong kinh Pháp Hoa nói về vận tải cứu cánh thì tên gọi là nhất thừa. Bốn tên gọi đó thông cả năng quán sở quán. Nếu nói về cảnh quán của chân và tục, tức chánh trí chỉ là chân gia hạnh và hậu đắc đều không cả chân và tục. Nếu nói về chứng, tức hậu đắc chỉ là tục. Trong kinh Thắng Man nói ngăn các hư vọng khác, gọi là một thật đế, hiển bày pháp căn bản cũng gọi là một y. Do không mà chứng, lại là tánh không, cũng gọi là không. Bày rõ khác dị vượt khỏi trói buộc, hiển bày gồm Phật đức, Phật từ trong ra, gọi là Như Lai tạng. Rõ ràng thể chẳng nhiễm, pháp tánh chân thật, gọi là tự tánh thanh tịnh tâm, tự thể công đức cũng gọi là pháp thân, hay ra bốn thừa, hay vào hai thừa, cũng gọi là nhất thừa. Khác với nhất thừa nói trong kinh Pháp Hoa, trong kinh Vô Cấu xưng nói ngăn lý có sai biệt, gọi là pháp môn không hai. Trong kinh Đại Tuệ nói bày không khởi tận cũng gọi là bất sinh bất diệt. Trong kinh Niết-

bàn, nói bày rõ pháp thân nhân nhiều, gọi là Phật tánh, lìa trói buộc giải thoát cũng gọi là Niết-bàn. Trong kinh Lăng nghiêm nói bày lìa ngôn thuyết gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Trong Du- già v.v... nói hiển bày khái niệm chẳng thể nghĩ bàn gọi là chẳng phải an lập. Trong luận Nhiếp Đại thừa v.v... nói: hiển bày khắp thường v.v... đây, gọi là viên thành thật. Trong luận đối pháp v.v... nói rõ ràng chẳng phải đối trá, đảo điên gọi là chân như, mười lăm loại tên đây, chỉ là lý sở quán, chỉ là cảnh của chân trí, sợ văn nhiều rộng nên lược nêu bày như vậy, chẳng phải là không có, nói là pháp tánh của pháp giới, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh lìa sinh, pháp định pháp trú, pháp vi, chân tế, hư không giới, vô ngã, thắng nghĩa, bất tư nghi giới v.v... cho đến trong Du-già thi thiết, chẳng phải thi thiết, cạn sâu khác vậy, gọi là an lập, chẳng phải an lập đế, tức trong kinh Thắng Man nói có hữu tác tứ thánh đế, vô tác tứ thánh đế. Trong kinh Niết-bàn cũng nói là thắng nghĩa đế và thế tục đế. Cho đến trong kinh Giải Thâm Mật v.v... nói hiển bày tất cả pháp, sự lý có không, chủng loại sai biệt, gọi là ba tánh. Hiển bày ba đều không biến kế, sở chấp cũng gọi là ba vô tánh. Lại, trong Du già v.v... nói rõ phương tiện của lìa trói buộc, cũng gọi là ba môn giải thoát. Bày ẩn lý sâu, gọi là ba vô sinh nhẫn. Trong luận Đại Trí Độ nói hiển bày sai biệt, gọi là tứ Tất-đàn. Các luận về sau quan sát tinh tế cũng gọi là tứ như thật trí. Trong kinh Nhân Vương nói địa vị khác biệt, ẩn khả cũng gọi là ngũ nhẫn. Tất cả như vậy, tuy khác danh thuyết nhưng đều là tên cảnh trí sai biệt của duy thức trong đây vậy.

Hoặc nữa, hoặc nói thể của nhân quả đều là một, do tác dụng của thức thành nhiều. Một loại nghĩa Bồ-tát, hoặc nhân quả đều nói hai. Trong phần quyết trạch có thuyết tâm địa nói là bản thức và chuyển thức, hoặc chỉ nhân nói ba. Trong luận Biện Trung Biên có bài tụng nói: “Thức sinh biến tợ nghĩa, hữu tình ngã và liễu, hoặc nhân quả đều nói là ba. Trong luận Duy thức Tam Thập Tụng nói đó là dị thực tư lương và liễu biệt cảnh thức, nhiều tánh dị thực, nên riêng nói đó. A-đà-na gọi là lý thông quả, hoặc chỉ quả nói là bốn. Trong kinh Phật địa v.v... nói phẩm Trí, hoặc nhân quả đều nói là sáu (ở đây thiếu nghĩa thứ năm, các bản khác cũng không). Tùy thuận trong kinh tiểu thừa nói sáu thức, hoặc nhân quả đều nói là bảy. Các giáo nói bảy tâm giới, hoặc nhân quả đều nói là tám. Nói là tám thức, hoặc nhân quả hợp gọi là chín. Bài tụng thứ chín trong kinh Lăng già nói: “Tám chín mỗi mỗi thức, như các sóng trong nước”. Đây là y cứ trong kinh vô tướng luận đồng tánh, kia lấy chân như làm thức thứ chín, chân một tục tám cả hai hợp lại mà

nói vậy. Nay lấy tịnh vị bản thức thứ tám làm thứ chín, bản thức nhiễm tịnh mỗi mỗi riêng biệt mà luận bàn vậy, gốc của sở y vậy. Thứ chín lại còn gọi là thức A-mạt-la. Nhiễm tịnh của thứ tám riêng nói dùng làm thứ chín vậy. Nói như vậy, các thứ sai biệt, mỗi mỗi lược qua mà luận. Y cứ luận Thành duy thức nói: “tự tánh tám thức, chẳng thể nói là định hay dị, vì là tánh nhân quả, tánh không cố định, như sóng và nước cũng chẳng phải định một hành tướng sở y, duyên tướng nên khác, nên khởi diệt khác vậy, huân tập khác vậy. Trong kinh Lăng-già có bài tụng nói: “Tâm ý thức tám thứ, tục nên tướng có khác, chân nên tướng không khác, tướng sở tướng không vậy”. Như vậy, tất cả thức loại sai biệt gọi là Duy thức, thức huyền tánh đó, nếu là gia hạnh quán thì chỉ cộng chẳng phải tự, nếu là hậu đắc quán là tự tướng quán, mỗi mỗi y tha, mỗi mỗi chứng vậy. Nếu dẫn như trên thì biết sở chứng của chư Phật, sở tu của Bồ-tát, hoặc giáo hoặc lý, hoặc nhân hoặc quả, hoặc hạnh hoặc vị, cho đến thế gian hay xuất thế gian tất cả muôn pháp, không một mảy may pháp nào chẳng là tâm. Đại chỉ của tông kính, người thấy nghe tin hưởng đến đó, như nơi in của ấn báu, nơi chiếu của gương sáng, có khả năng trọn tuyệt mảy may nghi ngờ vậy. chỉ tất cả các loài dị sinh mao đạo, hoặc ở bất tịnh tụ, tập tánh dễ nhiễm giống tờ trắng. Như Mạnh tử nói: “Tánh người như nước chảy xiết, xói tây thì tây, xói đông thì đông, giống như ấu trùng ngoài, ăn lá vàng thì thân vàng, ăn lá xanh thì thân xanh”. Vả lại, trong tám thức, chủng tử mười pháp giới đều có, tùy pháp được nghe mà phát khởi hiện hành. Nếu nghe văn của tông kính, tức huân khởi hạt giống Phật thừa, nhưng phải nhiễm thân nhập tâm cùng người thấy tánh, chẳng đợi tai vào miệng ra chỉ ghi nhớ lời nói phù phiếm. Như Tuân Khanh tử nói: “Học của quân tử là vào trong thân, dính nơi tâm, ban trái khắp tứ chi, động tĩnh đều có thể làm pháp. Học của tiểu nhân, vào nơi tai ra nơi miệng, giữa không tai miệng chỉ có bốn tắc vậy, sao đủ làm đẹp tấm thân cao lớn bảy thước ư?”

Hỏi: “Mười phương chư Phật, biển giáo vô tận, rộng lớn vô biên, cơ sao chỉ trong mười pho mà nói gom nhặt hết ư?”

Đáp: Nếu trái sự phân rộng thì lời quá biển giáo vô cùng, nếu nhóm rút diệu chỉ đó thì lý hết trong văn cốt yếu trăm quyển, một lời đã thấu đạt bản nguyên đó. Huống gì là mười pho, vì vô lượng kinh giáo đều là nhất tâm. Do đó, trong kinh Pháp Hoa nói: “Các thứ ngôn từ diễn nói một pháp”. Như trong thành lộ nan của Phó Đại sĩ nói: “Ông không thấy ư? Tâm tướng nhỏ nhiệm, rất tinh lạ, chẳng phải làm, chẳng phải duyên, chẳng phải danh sắc, tuy là chợt nhiên chẳng phải có tướng,

hoặc phạm, hoặc thánh, linh của chính mình. Linh đó không hình mà thường ứng, tuy là thường ứng mà thật không hình. Tâm tánh không đến cũng không đi, duyên lo nghị lưu chuyển thật không ngừng, chánh giác giác chân thường giác ấy. Phương tiện thô uẩn chế tôn kinh”. Lại nói: “Năng biết tâm đây không cách ngại, sinh tử hư vọng chẳng thể ràng, mà một tâm đây thấy đều đủ, tám vạn bốn ngàn các luật nghi”. Trong kinh Tứ Ích nói: “Thí như lửa lớn tất cả các ảnh lửa đều là tướng thiêu đốt. Như vậy, nay các thiện nam nói là pháp, đều vào pháp tánh”, nên biết tất cả phạm thánh có nói năng gì đều vào trong Tông kính, trọn không pháp khác. Do đó, trong kinh có kệ tụng rằng: “Lời thô và tiếng tế, đều về nghĩa đệ nhất”. Cho đến, thuyết của trước sau ngang dọc, văn rộng lược mỗi mỗi đều là dẫn vào trong nghĩa đệ nhất. Nếu thật vào trong đó, thì Phật pháp đều bình đẳng hiện, chẳng dùng ghi nhớ một chữ, niệm hết tất cả kinh, chẳng dùng giải một pháp, hợp hết vô biên nghĩa, chẳng dùng nói một câu, thường chuyển chánh pháp luân, chẳng dùng dốt một bước, tham khắp vạn pháp giới. Tại sao? Nếu ghi nhớ được là tướng biên tế, nếu giải được là lạc trong ý căn, nếu nói được là môn biện tài, nếu tham được là rơi lạc học địa ở ngoài, đều chẳng phải sự việc ở chính mình, trong tông kính chẳng gồm thâu, như tay nhón lấy hư không, mệt nhọc tâm lực. Vì thế, nghinh đó mà chẳng thấy trước, theo đó mà chẳng thấy sau. Còn đó mà mỗi mỗi đều không, mất đó mà xứ xứ đều có. Nên Hòa thượng Chí Công nói: “Việc bên ngoài lời Phật Tổ nói, chấp đắm xưa nay lại chẳng phải, tác ý cầu tìm vết chẳng thật, ma sinh tử lại mặc tình thử”. Các bậc Tiên đức nói: “Thứ nhất chẳng được ở một cơ một giáo, bên cạnh thủ lấy văn làm giải, thật không có định pháp mà Như Lai có thể nói: Trong tông môn ta chẳng luận việc ấy, chỉ biết tự tâm tức dừng, chẳng dùng nghĩ trước tính sau”. Lại có kệ tụng nói: “Ngàn thứ so chẳng được, muôn thứ sinh chẳng thành, bậc trí không thể biết, thượng hiền chẳng thể hay”.

Hỏi: “Đã đàm đạo của vô ngôn, chân của tuyệt tướng, cơ sao dẫn khắp ngôn thuyên, nói rộng về hành tướng”.

Đáp: Chẳng phải lời lẽ, lấy gì để biết không lời lẽ, chẳng phải tướng thì gì có thể hiển bày tướng? Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “Rõ pháp chẳng tại lời, khéo vào khoảng không lời, mà hay bày nói năng, như vang khắp thế gian”. Trong kinh Tịnh Danh nói: “Phạm nói pháp là không nói không bày không lời lẽ không nói nên nói đang như nói pháp”. Lại nói: “Không lia văn tự, nói giải thoát vậy”. Trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng: “Các pháp tướng vắng lặng, không thể

dùng nói bày, do dùng sức phương tiện vì năm Tỳ-kheo nói”. Lại, có kệ tụng khác nói: “Lại thấy Bồ-tát, trú thiền chấp tay, dùng ngàn muôn kệ, tán thán pháp vương”. Đó đều dùng không lời mà hiển bày lời lẽ, ngôn hiển bày vô ngôn vậy. Lại nữa, trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “Phật lấy pháp làm thân, thanh tịnh như hư không, hiện bày các sắc tướng khiến vào trong pháp đây”. Lại có kệ tụng khác nói: “Sắc thân chẳng phải Phật, âm thanh cũng như vậy, cũng chẳng lìa sắc thanh, thấy sức thần thông Phật”. Trong kinh Kim Cang nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai”. Đó đều dùng tướng để hiểu bày vô tướng vậy, thì không lời lẽ chẳng ngại lời lẽ, vô tướng chẳng ngại tướng. Nên biết không lời lẽ tức lời lẽ, không từng thể riêng biệt, tướng tức vô tướng, đâu có hình khác. Nên có kệ tụng rằng: “Trong không không có hai, không hai cũng như vậy, ba cõi tất cả không, đó là chư Phật thấy”. Vả lại, trong sự thấy của chư Phật, nào lập thấy có không đồng khác ư? Nên các bậc Tiên đức nói: “Do vì Phật chứng lìa ngôn, lưu tâm âm thanh ngoài nghe ngóng, diễn nói đại tụng nơi cung rồng. Nên biết chỉ thú chẳng phải xa, công hạnh được đó thì sâu mầu, ngôn tướng chẳng phải gần, hư hoại rõ đó mà nhắm đến. Lý ngôn tuyệt mà chẳng phải tuyệt, đầy nhiều huyền tịch mà chẳng phải đầy, nên ngay lời lẽ mà mất lời lẽ. Do đó, lời lẽ của vô ngôn phân ngang hiển giáo. có của chẳng có lập cao trời nghĩa”. Như trong lời tựa Duy Thức Số Sao Thích nói: “Số nói: lời lẽ của không lời gió cảnh, hữu của phi hữu sáng vọt”. Bốn câu số văn đó, hai câu đầu hiển bày bản chất giáo của Phật. Hai câu sau hiển bày ảnh tượng giáo của người nghe. Tại sao? Vì giáo của Phật nói là lìa tâm không thể, gọi là vô ngôn, từ tâm mà hiện nên gọi là ngôn. Đó là khả năng kích phát tự như gió cảnh tỉnh, tức Phật đối với trên hậu đắc trí lợi tha, có ba thừa mười hai phần giáo đột nhiên hiển hiện, tức làm duyên tăng thượng cho chúng sinh, muốn khiến người nghe biết trên có tướng văn nghĩa sinh, nên nói ngôn của vô ngôn gió cảnh vậy. Hữu của phi hữu sáng vọt là tức người nghe biết tướng văn nghĩa trên sinh, nhân chất mà khởi giáo nên có tự như sáng vọt. Lìa tâm không thể gọi là phi hữu, từ tâm mà hiển hiện gọi đó là hữu. Lại nói: “Tổ ngộ đó thì được lý mất lời, mê mờ đó thì chấp văn xen bỏ chỉ, chứng đắc đó thì lời lý nhất tâm”. Vậy biết, nếu vào tông kính thì không văn nào ngoài yếu chỉ có thể chấp, không yếu chỉ nào ngoài văn có thể tôn, lý sự đều tiêu, mê ngộ đều tuyệt.

Hỏi: “Từ thiền định mà phát tuệ, nhân tính lực mà chứng chân sao chẳng khiến dứt niệm lắng thần, ngâm tông chiếu thể? Nên nói thiền

năng tẩy dục cấu của căn tình, dập núi cao kiết sử, giảm gió mạnh của giác quán, ngăn tên độc phiền não. Sao mới luận rộng thuyết tổng biệt thuyết Phật tâm, làm hoặc loạn hàng sơ cơ, trái với chánh điển vậy ư?

Đáp: Thiền có bốn thứ: Một là, làm kế khác vui chuộng trên nhằm chán dưới mà tu là thiền ngoại đạo. Hai là, tin chánh nhân quả cũng để vui thích và nhằm chán mà tu là thiền phàm phu. Ba là, rõ lý sinh không, chứng đạo thiên chân mà tu là thiền tiểu thừa. Bốn là, đạt nhân không pháp không mà tu là thiền đại thừa. Nếu trái với giáo mà chỉ thành mờ tối chứng, đó chỉ vì mắt mình không sáng, giữ lấy im lặng mà chỉ tọa thiền si. Do đó, tuệ tâm chẳng tỏ, nhọc dấy tà hạnh, luống tạt chân tu, mới vào đạo giáo quán phải đầy đủ, chấp quán môn mà bỏ giáo chỉ, trọn thành ngu thượng mạn. Theo kẻ khác nói mà trái với tự tâm, thật chuốc nhận cười chê đếm của báu. Do đó, Hoa Nghiêm nói rõ thành tựu tuệ vô sinh trước phải nhờ đa văn, Phật tạng nói bày chóng vào cửa Niết-bàn đều nhân nghe pháp. Như trong kinh Phật Tạng có kệ tụng rằng: “Trăm ngàn tăng dề cam, không tuệ tu tỉnh dầu trải trăm ngàn kiếp, không một đắc Niết-bàn, người trí tuệ thông mẫn, nặng nghe pháp nói pháp, thâm niệm trong khoảnh khắc, hẳn chóng đến Niết-bàn”. Kệ tụng đó là tự lợi vào đạo vậy. Lại trong kinh có kệ tụng rằng: “Giả sử đầu đội trần sa kiếp, thân làm giường tòa khắp ba ngàn, nếu chẳng truyền pháp lợi chúng sinh quyết định không thể báo đáp thật”. Bài tụng đó là lợi tha báo ân vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói rõ Bồ-tát chứng vô sinh phát tuệ sáng đều nhân khéo léo nghe nhiều. Lại, nghe có công năng hỗ trợ quán sát khởi tin, năng kiên nhẫn tự hạnh. Nói có sức đoạn nghi thành thật, có khả năng giáo hóa kẻ khác. Nên trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “Thí như báu trong tối, không đèn chẳng thể thấy, Phật pháp không người nói, tuy trí chẳng thể rõ”. Vì vậy, nói giáo viên đồn in tâm chúng sinh, mở cửa đại thí, thành ích vô biên. Nếu chẳng lấy đó chỉ bày người, tuy có lợi tha mà chẳng phải tận thiện và ích lợi man mác, lực dụng rất nhiều, nếu chỉ ngay tự tâm toàn bày vật báu trong nhà, như đốc đầy đồ kho, bố thí không ngăn ngại, suốt quả gần nhân, rốt ráo thường lạc. Vì vậy, trong Phụ Hành ký nói: “Nếu dùng quyền pháp giáo hóa người, pháp môn tuy mở mà chẳng gọi là đốc kho tàng”. Nay nơi nhất tâm mở cửa lợi vật, đốc kho bí mật, bày châu chân thật. Tâm đã chẳng cùng, kho cũng vô lượng, kho đã vô lượng, châu cũng vô biên, bao hàm tất cả pháp nên gọi là tạng (kho), lý thể không khuyết, dùng châu để thí dụ đó. Đó là chỉ bày chúng sinh vốn có giác tạng, chẳng phải từ ngoài đến. Trong kinh- Duy ma nói: “Pháp thí hội là không trước

không sau, một thời cúng dường tất cả chúng sinh. Đó gọi là hội của pháp thí”. Pháp sư La thập nói: “Nếu một khởi tâm từ thì mười phương đồng duyên. Tối cao của trong bố thí, không gì trên trước đây vậy. Nếu nói là không trước không sau”. Pháp sư Tăng Triệu nói: “Phàm dùng phương hợp người không thể trong một hơi thở làm kỳ hạn, dùng tài vật cứu tế, không thể trong một thời gian mà khắp cùng”. Vì vậy hội thông không phương góc là lan tràn mà chẳng rời lột. Pháp đượm ngấm khắp là chẳng đổi thời mà đồng trùm khắp, nên năng tức không biên cương làm một hội mà đạo không đâu chẳng đượm nhuần. Hư tâm hoài đức mà vật tự phụ, sao lại vì tiểu tuệ như nước bọt mà bỏ lợi ích lớn như sông biển, đặt pháp dưỡng một thời mà bày tục thí trước sau ư? Phàm, tài dưỡng là dưỡng thân, pháp dưỡng là dưỡng thần. Đạo dưỡng thần tồn tại ở ngấm ích, quần sinh lấy vô cùng làm đường trần, mờ mịt tiếp nối chẳng thể tự quay trở lại. Nên bậc Đại sĩ tạo lập đức chẳng tự vì thân, thiện trong một niệm đều về quần sinh, chỉ vì quần sinh nên hạnh nguyện đều thành quả, hạnh quả thì công mình lập, nguyện quả thì quần sinh lợi ích, công mình lập thì có khả năng cứu tế vật. Quần sinh lợi ích thì có phần ngược lại dòng. Nhưng, Bồ-tát mới đầu tạo lập đức ở trong, quần sinh do được lợi ích ở ngoài vậy, sao hẳn phải đợi mớm nuôi mở đất sau mới làm lợi ích ư? Vì Bồ-đề là đạo của cứu tế rộng khắp vậy, cho nên vì Bồ-đề mà khởi từ tâm thì trong một niệm một thời lợi ích không ngần mé vậy. Vậy thì nương nhờ ánh sáng của Tông kính soi chiếu khắp pháp giới, nào có sót thừa ư? Như trong Thủ Lăng- nghiêm số sao nói: “Tâm linh muôn biến lúc tọa thiền an định, cảnh ma ngàn sai đều chẳng thể biết”. Xưa kia có một Thiên sư an tọa trong núi, thấy một người con hiếu vác thầy chết đem đến trước mặt thiền sư mà khóc nói: “Cớ sao giết mẹ tôi vậy?” Thiên sư biết đó là ma, nên tư duy rằng: “Đây là cảnh ma, ta dùng búa chém phá tức có thể chẳng được giải thoát”. Bèn lấy búa ở trên cột chém một nhát, người con hiếu kia bỏ chạy mất. Sau đó cảm giác trên đùi về có thấm ướt, trông nhìn kỹ thì thật là máu, chẳng hện mà tự chém, đó là lúc chánh tọa thiền, trong tâm khởi thấy bèn cảm ngoại ma đến vào trong tâm hành nhân, không biết đều do tự tâm. Hoặc tự ca múa v.v... vốn là ảnh tượng của tự tâm. Nên biết nếu rõ duy tâm thì các cảnh tự diệt, xứ nào ngoài tâm riêng có cảnh ma ư? Lại nữa, xưa kia có một Thiên sư đang tỉnh tọa thấy một con heo đến trước mặt, Thiên sư cho là ma nên thông thả nắm lấy mũi heo kéo cho kêu la. Có người cầm đèn lại xem thì thấy Hòa thượng tự nắm lỗ mũi mà kêu la. Rõ ràng biết do tâm biến. Chỉ tu chánh định, sao có việc ma? Như trong

kinh nói: “Tâm ông chẳng rõ, nhận giặc làm con. Năm mươi thứ cảnh ma đều do vọng tâm làm giặc con trộm cướp pháp tài trí bảo trong pháp giới của người, ở nơi ba cõi qua lại chịu khổ nghèo cùng loĩ lẽ”.

Hỏi: Thế gian nhiễm pháp có tham sân si làm sở tại, xuất thế gian tịnh pháp có giới định tuệ làm năng trị, thì chân tục hỗ tương hiển bày năng sở đối trị, hành tướng rành rẽ, lý sự đủ đầy. Cớ sao chỉ nói yếu chỉ của nhất tâm năng bao trùm cả muôn pháp ư?

Đáp: Các bậc Cổ đức nói: “Chỉ đạo vốn ở tâm đó, tâm pháp vốn ở vô trú, vô trú tâm rõ linh biết không mờ tối, chỉ muôn pháp sinh ra đều y cứ vô trú nhất tâm làm thể, lìa ngoài tâm không riêng có pháp, như các cơn sóng đều nương nước, lìa nước không riêng có pháp, như các cơn sóng đều nương nước, lìa nước không sóng, muôn tượng nương hư không, lìa hư không không có các tượng”. Trong luận Đại trang nghiêm có kệ tụng rằng: “Lìa xa nơi pháp giới không riêng có pháp tham, cho nên chư Phật nói, tham sinh tham khác vậy. Như Phật trước nói, ta chẳng nói có pháp tham khác hay sinh ra ở tham, sân si cũng vậy. Do lìa pháp giới riêng pháp không thể. Cho nên tánh pháp tham v.v... được tên gọi là tham v.v... đây nói tánh pháp tham v.v... năng tham sinh ra tham v.v... có nghĩa đó là chỉ thú của kinh”. Lại có bài tụng rằng: “Từ tham khởi từ chánh, từ tham được giải thoát, nên nói tham sinh tham, sân si sinh cũng vậy”. Giải thích: Lìa ngoài tham không riêng có pháp. Vì tham pháp giới vậy thì tất cả pháp thú hưởng tới tham, thú hưởng không lỗi lầm. Tại sao? Nếu từ tham mà thú hưởng tư duy chân chánh, rõ biết tham không tự tánh thì ở nơi tham mà được giải thoát. Nếu ở nơi tham mà khởi tưởng tà, mê tham sinh chấp trước, thì ở nơi tham bị trói buộc. Trói buộc và giải thoát bèn thành hai môn chân và tục, ở nơi hai môn chân và tục thì bao gồm tất cả các pháp nhiễm tịnh. Tham là một pháp đã vậy, ngoài ra sân si v.v... tám vạn bốn ngàn môn trần lao phiền não cũng vậy. Mỗi mỗi khắp trùm cả pháp giới vậy. Đó là môn chỉ thú của các kinh, cũng có thể là đại ý toàn chứng Tông kính vậy. Nếu mê lầm phương tiện tham các nghĩa môn thì nước nghi ngờ trôi dạt người, trôi thành càn-thát-bà mà đặt chân, tựa giữa hư không mà tự mất, được thật sao lo. Yếu chỉ của nhất tâm đây là muôn đức đều gồm về, hoặc thiện hoặc ác đều hay xoay chuyển, hoặc nghịch hoặc thuận đều khiến khéo thành. Do đó, trong mười huyền môn có môn duy tâm xoay chuyển khéo thành. Xưa trước giải thích rằng: nói duy tâm xoay chuyển là trong các nghĩa môn trước đều Như Lai tạng tánh, nơi dựng lập của chân tâm thanh tịnh, hoặc thiện hoặc ác tùy tâm chuyển nên, nên nói xoay chuyển

khéo thành, ngoài tâm không cảnh riêng, nên nói là duy tâm. Nếu thuận chuyển tức gọi là Niết-bàn. Trong kinh nói: “Tâm tạo các Như Lai, nếu nghịch chuyển tức là sinh tử”. Trong kinh lại nói: “Ba cõi hư vọng đều do nhất tâm tạo nên, sinh tử Niết-bàn đều chẳng vượt ngoài tâm, cho nên chẳng được quyết định nói tánh là tịnh hay bất tịnh vậy”, nên trong kinh Niết-bàn nói: “Phật tánh chẳng phải tịnh cũng chẳng phải bất tịnh, tịnh và bất tịnh đều duy tâm vậy, lia tâm không có pháp khác riêng biệt vậy”. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng rằng: “Duy tâm không cảnh giới, không thấy trần hư vọng”, nên biết nghịch thuận chỉ do người chuyển, khổ vui tự theo duyên phân, một niệm chân tâm vô trụ, trải qua số kiếp như bụi trần chưa từng biến đổi, chỉ tùy trí phân biệt nên sự thấy chẳng đồng. Trong Niết-bàn sơ nói: “Nếu nói tâm tánh vốn tịnh bị hoặc che phủ là còn thuộc giáo đạo tạm thuận quyền thuyết. Nếu nói bản tâm thanh tịnh, nếu chúng sinh nghe là khởi sinh tà kiến, cho là tâm tức là chẳng được chịu tu đạo. Vì khiến chúng sinh đoạn trừ tham v.v... mới thấy được Phật tánh nên nói trong chẳng quyết định nói v.v... nếu y cứ theo Phật lý tâm tánh xưa nay chưa tịnh, giống như vô thủy chỉ là băng không nước, tuy toàn là băng thì không được nói băng chẳng phải nước. Tâm tánh chúng sinh cũng lại như vậy. Tuy vốn là vô minh thì chẳng được nói chẳng phải ba đức mật tạng. Cho nên viên nhân chỉ quán vô thủy ba đạo tức ba đức, nên chẳng đồng quán nhân tức lật lại mới thấy. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Trưởng giả Phạm Hạnh nói: “Các pháp chỉ một vị, cố sao hàng Tam thừa, trí họ có khác?” Phật dạy: “Này Trưởng giả thí như sông suối hoài hải lớn nhỏ khác nhau, sâu cạn chẳng đồng, danh văn riêng biệt, nước tại trong sông giang gọi là nước sông giang, nước tại trong sông Hoài gọi là nước hoài, nước tại trong suối gọi là nước suối, đều tại trong biển thì chỉ gọi là nước biển, pháp cũng như vậy, đều tại chân như, chỉ gọi là xuất đạo. Do đó cảnh huyền ngang dọc tại một tánh mà dung chân, tịch diệt linh không, gá sum la mà hiển bày tướng. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng: “thí như sức nhất tâm, năng sinh các thứ tâm, như vậy thân một Phật, hiện khắp tất cả Phật”. Trong kinh Hoa Thủ có kệ tụng rằng: “Nếu muốn dùng một niệm, biết khắp tất cả tâm, tâm đó không hình sắc, như huyền chẳng bền chắc”. Trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: “Thấy ở chứng minh ba cõi như huyền, tất cả bản nguyên không nơi trái mất. Đó gọi là nhất tâm”. Lại nói: “Vì danh hiệu đó là không chỗ có, có chỗ trông thấy, thấy tất cả gốc. Đó gọi là nhất tâm”. Như trong kinh có kệ tụng rằng: “Rộng khắp các thế giới, vô lượng không ngần mé, biết các thứ là

một, biết một là các thứ”. Tại sao? Vì một là một của môn pháp lấy tâm làm tự tánh vậy. Do đó, xưa trước có bài tụng rằng: “Muôn pháp do tâm sinh, tâm sạch muôn pháp sạch, ngũ thông không chướng ngại, tâm vương như trong mắt”. Trong kinh Nguyệt Đẳng Tam-muội nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý niệm của tâm Nguyệt Quang đồng tử, nên dùng kệ tụng mà hỏi đồng tử rằng: “Nếu Bồ-tát cùng một pháp tương ưng, thấy đều năng được công đức tối thắng, chóng thành A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề. Sao gọi là một pháp? Nay Đồng tử! nếu Bồ-tát đối với thể tánh tất cả pháp mà rõ biết như thật”. Cho đến, nói kệ tụng rằng: “Các pháp chỉ nói một, đó là pháp vô tướng, là điều bậc trí nói, như thật mà rõ biết. Nếu nói pháp như vậy, Bồ-tát rõ biết đó, kia được vô ngại biện, nói muôn Tu-đa-la, đấng Đạo sư gia hộ, chỉ bày nơi thật tế, chẳng phân biệt giả danh, chưa từng có nói gì, vì một biết tất cả, vì tất cả biết một, tuy có các thứ nói, mà chẳng khởi kiêu mạn. Tâm đó hay rõ biết, tất cả pháp không tên, tùy thuận học các tên mà diễn nói chân thật”. Giải thích: Nếu như thật rõ biết thể tánh tất cả pháp tức là thể tánh tự tâm, quan sát tất cả pháp đều là không tên không tướng, do mượn tên tướng mà diễn nói chân thật đó, khiến quy về nguồn chân không tướng thật tế không tên, thì vào biển giáo Tu-đa-la diễn nói không cùng. Lại như trong kinh nói: “Nay Đồng tử! Tâm đó không tánh, lại không hình sắc, không thể trông nhìn. Nay Đồng tử! Thể tánh công đức Phật như vậy tức là thể tánh tất cả các pháp. Với ý nghĩa đó, nay Đồng tử! Nếu Bồ-tát nói thể tánh tất cả pháp là một nghĩa như thật rõ biết, như thật thấy biết, đó gọi là Bồ-tát vắng lặng nơi tâm, khéo giải ba cõi, xa lìa căn lành, như thật rõ biết, như thật thấy biết, năng nói như thật, người có nói khác. Cho đến khéo hiểu lìa pháp văn tự, khéo hiểu phân biệt chữ trí, khéo hiểu lìa pháp nói năng v.v...” Lại, trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng rằng: “Chẳng sinh hiện ở sinh, chẳng thối thường hiện thối, đồng thời như trăng nước, muôn ức cõi nước hiện, một thân và vô lượng, đốt lửa và rưới mưa, thể mỗi tâm chẳng khác, nên nói chỉ là tâm, trong tâm chỉ là tâm, tâm không tâm mà sinh. Các thứ sắc hình tướng, trông thấy đều là tâm”. Lại có kệ tụng khác nói: “Trong tâm không đoạn thường, thân nhờ nơi sinh trụ, chỉ tâm ngu không trí, không vật mà thấy có”. Lại có kệ tụng khác: “Phật tử thấy thế gian, chỉ tâm không các pháp, các loại thân chẳng làm, được sức tự tại thành”. Tại sao? Nếu được tâm vương, tất cả tự tại, cần thành tức thành, chẳng phải gì khác ngăn ngại. Như Bồ-tát Trì Địa nói: “Tôi thường đến nơi tất cả đường sá cầu yếu bên sông ruộng đất, hiểm ải ngăn ngại, có những

sự bất như pháp làm tổn hại xe ngựa, tôi đều sang lấp phẳng bằng. Cho đến lúc gặp đức Tỳ - xá như lai đưa tay xoa đầu mà bảo tôi đang sang bằng đất tâm, thì đất thế giới tất cả đều bằng phẳng. Như Xá- lợi- Phát tâm có cao thấp nên thấy gò đồi hầm hố”. Vậy biết nâng giềng rút mối chẳng gì vượt quá quan sát tâm, thấy đạo chẳng cách chừng sát-na, chứng lấy giống như lật bàn tay. Trong Pháp Hoa sám văn, vua Văn Đế (Trần Xuyên 560-567) thời nhà Trần nói: “Lý không hai cực, thú hần đồng quy, chỉ thân nghiệp nhân tâm bảm nhận thức của muôn loại. Tùy thấy tùy đắm tướng khác của quần sinh”. Trong Kim Cang sám, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương nói: “Đắc đó ở tâm, sau mới làm pháp, do đó Đồng tử không nói khéo được diệu của không nói, Bồ-tát không nói sâu sắc thấy sâu của không nói”. Nói lý không hai cực, lý hần đồng quy là một pháp nêu tông, khác đường sạch vết. Diệu của không nói, sâu của không nói là nếu chẳng thân chứng ở tự tâm, làm sau thấu suốt sâu diệu, thì đường ngôn ngữ tư duy ngầm hợp với tông ấy vậy. Vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) thời Tiền Đường nói: “Phàm, pháp của vạn hữu vốn duyên nơi tâm, tâm sinh pháp sinh tâm diệt pháp diệt nên dùng tâm quán tâm, ngoài tâm không pháp. Tâm tánh thường trụ, nơi đó xa ư?” Như các bậc Tiên đức nói: “Phàm, thể của tu đạo tự biết thân thường, xưa nay thanh tịnh, chẳng sinh chẳng diệt, không có phân biệt, tự tánh viên mãn. Tâm thanh tịnh, đó là bản sư, nên biết tự chân tâm tự nhiên mà có, chẳng từ ngoài lại, ở trong tam giới nơi chí thân nhất, không gì qua tâm.

Hỏi: Chúng sinh và Phật đồng thể, cơ sao khổ vui có khác?

Đáp: Chư Phật ngộ đạt pháp tánh, đều tự nhiên rõ nguồn tâm, vọng tưởng chẳng sinh, chẳng mất chánh niệm, tâm ngã sở diệt, nên chẳng nhận chịu sinh tử, tức rốt ráo thường tịch diệt, do tịch diệt nên muôn vui tự về. Tất cả chúng sinh mê mờ chân tánh, chẳng đạt bản tâm, các thứ vọng tưởng, chẳng được chánh niệm, nên tức yêu ghét, do yêu ghét nên tâm khế phá hoại tức nhận chịu sinh tử, vì vậy các khổ tự hiện. Muốn biết pháp yếu, giữ tâm đệ nhất. Nếu một người chẳng giữ chân tâm mà được thành Phật, thì điều ấy không thể có. Nên nói chế tâm một nơi không việc gì chẳng thành. Tất cả muôn pháp chẳng vượt ngoài tự tâm, tám vạn pháp môn, vị thể ba thừa, tất cả hiền thánh luận tông giáo đó, không gì chẳng phải tự tâm là gốc. Trong văn cú sơ nói: “Nếu tìm vết giáo, vết rộng nhọc tự khổ cực, nếu tầm gốc lý, gốc cao, cao chẳng thể cùng, suốt đêm ngày tính đếm vật báu của người khác, tự mình không có nửa phân tiền, chỉ quan sát sự cao rộng của tâm mình, mò gõ

thánh ứng vô cùng, có thành khiến cảm đơi được lợi mình, nên dừng quan sát tâm giải thích, phải biết các thứ thanh giáo, hoặc nhỏ nhiệm hoặc hiển trước, hoặc quyền hoặc thật, đều là Phật đạo mà làm nơi lười”. Trong Đại kinh có kệ tụng rằng: “Lời thô và tiếng tế, đều quy nghĩa thứ nhất”, là nghĩa ấy vậy. Trong phẩm Phương Tiện ở kinh Pháp Hoa nói: “Ta vốn lập thế nguyện, khiến tất cả chúng sinh, cũng đồng được đạo đây, giống như tu không khác”. Lại có kệ tụng khác nói: “Chánh bả ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng”. Đó, chánh chẳng chỉ thế gian làm chánh, chẳng chỉ ánh sáng đom đóm chiết trí làm thánh, chẳng chỉ lửa đuốc thể pháp trí làm chánh, mà chỉ ánh sáng mặt nhật nhất thiết chủng trí làm chánh. Lưu thông đây chẳng phải là lá dương gỗ ngựa mà làm lưu thông, chẳng phải lưu thông bán tự, chẳng phải lưu thông cộng tự, chẳng phải lưu thông biệt tự, thuần là lưu thông pháp mãn tự Tu-đa-la viên mãn vậy, như một ánh sáng tông kính lại không soi chiếu gì khác, chẳng chỉ lập cao hạnh mãn, cũng là nhân sâu quả tròn, khéo vụng chóng khác, chậm nhanh chẳng ngang bằng. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Thí như trị bệnh, thuốc đắng châm cứu, đau mà được lành. Như có diệu dược tên là Tô Đà phiến đà. Người bệnh chỉ mắt trông thấy thì các tật bệnh đều lành, trí bệnh tuy đồng, mà pháp hơn kém có khác. Thanh văn Bồ-tát giáo hóa độ người cũng lại như vậy, khổ hạnh đầu-đà, đầu tiên giữa đêm cuối đêm chuyên tâm thiền quán, khổ mà đắc đạo, là Thanh văn giáo. Quán tướng các pháp không buộc không mở, tâm được thanh tịnh, là Bồ-tát giáo. Do đó, rõ thật tướng tâm, ngộ tại trong sát-na, chứa hạnh mà thành nhân thừa quả xa, chỉ có thiện một mảy may, thấy đều tùy hỷ hồi hướng về tâm thật tướng, cho đến trong bốn oai nghi đưng đầu thành quán đó, niệm niệm khế hợp yếu chỉ bước bước vào trong cao huyền, chẳng khiến một mảy trần mà mất chân trí, như mũi tên bắn xuống đất, không đâu chẳng trúng. Nên trong luận nói: “Lại nữa, chánh hồi hướng, Bồ-tát nên tư duy rằng: “Như chỗ biết của mười ba đời chư Phật, dùng trí tuệ vô thượng, biết tướng các căn lành. Trong tất cả người trí, Phật ưu thắng thứ nhất, các căn lành Phật biết thấy đều là thật tướng. Như điều Phật biết, ta cũng dùng tướng căn lành như thế mà hồi hướng, thí như bắn xuống đất không lúc nào chẳng trúng, nếu bắn các vật khác, hoặc trúng hoặc chẳng trúng. Điều chư Phật biết tùy hỷ, như bắn xuống đất không đâu chẳng trúng. Nếu dùng các đạo khác tùy hỷ, như bắn các vật khác hoặc trúng hoặc chẳng trúng. Hồi hướng như vậy là vì chẳng phỉ báng chư Phật”. Nên biết tin hiểu tâm thật tướng vào trong Tông kính, dấy niệm đều là không đến

đâu chẳng chân, mới thuận điều biết của Phật chẳng phỉ báng Tam bảo. Nếu được thật tướng trí tuệ chở che, tất cả muôn hạnh thấy đều thành tựu. Như bóng chim bằng che phủ con nó, khiến con nó lớn mạnh. Như nay người học, chỉ ngay đó bên trong, rõ suốt tự tâm chẳng nghi ngờ cảnh bên ngoài, tâm nếu được rõ, cảnh bên ngoài tự hư. Một pháp vừa thông, muôn tượng đều quy về tâm địa, một vòng xoay có cản trở, ngàn xe hãm ngưng lại sửa đường, rành rành mà chỉ tại tự biết, niệm niệm mà không gì chẳng phải chân thật. Ngoài thô không thể xét, chẳng lo nghĩ kẻ khác nghi ngờ, trong kín khó cùng, chỉ nên thân chứng. Như Cư sĩ Bàn Uẩn có kệ tụng rằng: “Bậc trung vui vắng lặng, kẻ hạ ham oai nghi, Bồ-tát tâm vô ngại, đồng phạm phu chẳng biết, Phật là thể vô tướng, sao phải có tướng giữ, chỉ khiến tâm rõ việc, ngăn chớ nghi người ngoài. Như người khát uống nước, lạnh nóng tự tâm hay”. Lại như trong Ngoại Thư nói: “Kẻ có oai danh ở đời, nếu gọi tên đó thì có thể ngưng trẻ em khóc”. Ngụy Lực nói: “Trương Liêu bị Tôn Quyền bao vây, Trương Liêu lại vào, bọn Tôn Quyền phá chạy. Do đó, oai phong chấn động cả Giang Đông, trẻ con khóc chẳng nín, cha mẹ nó lấy tên của Trương Liêu dọa nó bèn nín”. Lại, trong Đôn Hoàn Thư Lục nói: “Tổng Chất Trực đánh phá Lỗ có oai danh, trẻ con khóc, sợ đó bèn nín”. Và lại, trẻ con chưa biết người đó, chỉ nghe tên bèn liền nín khóc là toàn chứng duy tâm vậy. Cho đến, như xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm, mà lửa chẳng thể thiêu đốt v.v... đó là nương gá Quán Thế Âm để làm duyên lớn mạnh, đều là cản bởi tự tâm, khiến đó linh nghiệm. Tai ương hay cát tường, thành hay bại, vinh hay nhục, thắng hay trầm, không gì chẳng do tâm ấy vậy. Do đó, Đại sư dung có kệ tụng rằng: “Cũng chẳng từ trời sinh, cũng chẳng từ đất ra, chỉ từ tâm tánh không, như mặt nhật soi chiếu”. Nếu như mặt nhật soi chiếu thế gian, thì ánh sáng đâu mà chẳng thấu, và chạm mắt chạm tình, không gì chẳng phải tâm ta vậy. Điều thành pháp bảo, điều thành vật quý trong nhà, tự lợi lợi tha, dùng mà không hết. Trong tam gián ca, Phó Đại sĩ nói: “Bỏ vinh đời bỏ vinh hoa tục, đạo lý lớn nỗ lực, chuyên cần học ba can, can thân tâm ta về quê cũ, can ý ý căn chớ dấy khởi, can miệng căn chớ nói bậy, can tay tay căn chớ roi gậy. Ba can ba vua vua tự thơm, hư không tự được đến tiên đường, tiên đường chẳng gần cũng chẳng xa, bồi hồi chỉ là chính giữa chúng, nếu muốn đi ở trong tiên đường, chẳng dùng lẫn lóc tại quê người, nếu muốn cầu niệm Phật Di-đà, đông tây nam bắc là phương Tây, Di-đà phương Tây ở riêng đó, trước mặt sau lưng bảy lớp hàng, hoặc vàng hoặc đỏ hoặc trắng hồng, hoặc lớn hoặc nhỏ hoặc ngắn dài,

trời che chánh là nhà Di-đà, cây khổng cây xuyên phòng Di-đà, không trung trên trời đường Di-đà, cỏ cây chánh là quê Di-đà. Đêm ngày trước sau ôm râm rĩ, chánh là miệng Di-đà phóng quang. Nếu muốn lễ bái Phật Di-đà, chẳng dùng tư tưởng mạnh bận rộn, nếu chẳng dối người là lễ bái, nếu chẳng cầu người là đạo tràng, nỗ lực tự khiến ba công tác, ân cần buông sức gieo giống áo, núi sông là nhà kho vô tận, cỏ cây là người thường đầy kho, nước bùn là người thường đầy lẫm, nắm mốc là người đầy không đầy, làm nhiều công phạm tự thành tự, tự hành tay chân ai nghiêm trang, nếu muốn vãng sinh nước an lạc, chỉ là cái vật là phương Tây”. Lại ca rằng: “Làng quê chư Phật tại thế giới, bốn biển ba ruộng sống khắp đây, Phật và chúng sinh đồng một thể, chúng sinh là giả danh của Phật. Nếu muốn thấy Phật nhìn ba quận, ruộng nhà rừng vườn dừng nơi nơi, hoặc bay giữa hư không quấy rối, hoặc cửa núi sông lấy lừng, hoặc kết bè bạn đi qua lại, hoặc lại lẻ đờn đi một mình, hoặc giữa ban ngày ráo đông tây, hoặc suốt đêm thâu tuần năm canh, hoặc đen hoặc đỏ mà lại trắng, hoặc tía hoặc tím mà vàng xanh, hoặc lớn hoặc nhỏ mà mới nuôi, hoặc già hoặc trẻ sống thời xưa, hoặc trên eo thân có đốt đèn, hoặc trên lông cánh có nhạc đàn, hoặc đạo không trung loạn trên dưới, hoặc ở cỏ cây loạn tung hoành. Hoặc không nói đi tự ra nhà, hoặc vào hầm đất tạm nương sống, hoặc khoét lỗ cây làm quê quán, hoặc khắp cây cỏ làm hang thành, hoặc chuyển võng lưới làm hẻm thôn, hoặc nằm đất đá làm thêm sảnh, chư Phật Bồ-tát nhà như vậy, chỉ cái danh làm thành Xá vệ”.